

8. THÍNH PHÁP- DHAMMASSAVANA

Định nghĩa:

Thính pháp (dhammassavana) là sự lắng nghe học hỏi giáo pháp của Đức Phật. Danh từ Dhamma nghĩa là giáo pháp, lời dạy của đức Phật; savana nghĩa là sự nghe, lắng nghe.

Có Pāli định nghĩa như sau:

Dhammam suṇanti etenā'ti dhammassavanam: Những người nghe chánh pháp do đó gọi là dhammassavana (thính pháp). Đó là sở hữu tư (cetanā) hợp với tâm đại thiện đồng sanh với như lý tác ý dẫn đầu (yonisomanasikāra).

Thính pháp là nhân phát sanh trí tuệ (paññā). Trí tuệ có 3 loại:

- Trí văn (sutamayapaññā): trí tuệ phát sanh do lắng nghe chánh pháp.
- Trí tư (cintamayapaññā): trí tuệ phát sanh do tư duy, suy xét sâu sắc về chánh pháp.
- Trí tu (bhāvanāmayapaññā): trí tuệ phát sanh do thực hành thiền đạt được sự chứng ngộ thiền định, đạo quả.

Người nghe giảng dạy về những kiến thức vô tội sai biệt của thế gian cũng được gọi là thiện thính pháp. Do đó, trong Sớ giải Vibhāvinīṭikā, các Ngài giáo thọ sư mới trình bày rằng:

- “Niravajjāvijjādisavanacetanāpi ettheva sangayhati: Sự chú tâm nghe giảng dạy những kiến thức vô tội sai biệt cũng hỗ trợ cho thiện thính pháp”.

Cách thính pháp có 2 loại:

- a) Người thính pháp có suy nghĩ rằng: Nếu ta thường xuyên thính pháp thì sẽ được mọi người khen ngợi, tán thán cho rằng ta là người có thiện tâm và đức tin chơn chánh. Việc Thính Pháp này thường cho quả thấp kém, được lợi ích nhỏ nhoi.
- b) Người thính pháp có nhận thức rằng: Thính Pháp là điều tốt làm cho tâm nhu thuận, có trí tuệ biết được tội, phước, thiện, bất thiện, mang lại lợi ích

cho mình làm cho tâm hoan hỷ mát mẻ, thanh tịnh phát sanh tâm từ, tâm bi... Đây chính là việc thính pháp với thiện tâm thật sự cho quả thù thắng, lợi ích đặc biệt.

Một người thường xuyên nghe Pháp làm cho phát sanh trí tuệ, có Chánh kiến, sự hiểu biết đúng đắn theo chánh pháp, không bị rơi vào tà kiến.

Trong Kinh Tăng Chi (AN 3.30 Avakujjasutta), Phẩm người, phân lộn ngược, Đức Phật mô tả ba loại người nghe Pháp, đó là:

- a) Có hạng người thường đi nghe pháp. Người ấy, đối với bài thuyết giảng không có tác ý đến đoạn đầu, đoạn giữa và đoạn cuối. Khi đứng dậy, đối với bài thuyết giảng không có tác ý đến đoạn đầu, đoạn giữa và đoạn cuối. Ví như, một cái ghè lộn ngược, nước chứa trong ghè tuôn chảy, không dừng lại. Đây gọi là hạng người với trí tuệ lộn ngược.
- b) Có hạng người thường đi nghe pháp. Người ấy, đối với bài thuyết giảng có tác ý đến đoạn đầu, đoạn giữa và đoạn cuối. Nhưng khi đứng dậy, đối với bài thuyết giảng không có tác ý đến đoạn đầu, đoạn giữa và đoạn cuối. Ví như các loại đồ ăn để trên bấp vế, khi người ấy đứng dậy, tất cả đồ ăn đều đổ xuống đất hết. Đây gọi là hạng người với trí tuệ bấp vế.
- c) Có hạng người thường đi nghe pháp. Người ấy, đối với bài thuyết giảng có tác ý đến đoạn đầu, đoạn giữa và đoạn cuối. Khi đứng dậy, đối với bài thuyết giảng có tác ý đến đoạn đầu, đoạn giữa và đoạn cuối, người đó vẫn còn ghi nhớ những lời dạy của giáo pháp. Ví như một cái ghè để ngửa, nước chứa trong ấy được giữ lại, không có chảy đi. Đây gọi là hạng người có trí tuệ rộng lớn.

Trong Hạnh Phúc kinh (maṅgalasutta) đức Phật dạy: *kālena dhammassavanam, etaṃ maṅgalamuttamam*: tùy thời / đúng thời nghe chánh pháp, là phúc lành cao thượng.

Kālena có nghĩa là hợp thời, đúng thời, tùy thời; *dhammassavana*: nghe pháp, thính pháp.

Như thế nào gọi là tùy thời nghe pháp?

Khi tâm bị phóng dật loạn động, bị tham dục, hay bị phiền não khác xâm chiếm, khi ấy hãy lắng nghe giáo Pháp. Bởi vì giáo pháp là những phương thuốc nhiệm mầu có công năng chữa lành những căn bệnh phiền não của chúng sanh.

Tùy thời nghe pháp là khi chúng ta có hoài nghi trong tâm nên đi đến các bậc thiện trí thức học hỏi để xóa tan hoài nghi.

Tùy thời nghe Pháp là điều hạnh phúc vì nghe pháp giúp chúng ta xóa bỏ các triền và đoạn trừ được các kiết sử và các lậu hoặc.

Trong Tăng Chi Kinh, chương VI: Sáu Pháp, Đại Phẩm, (56) Phagguna, Đức Phật dạy có 6 lợi ích của sự nghe pháp đúng thời.

Có sáu lợi ích này, này Ananda, nếu nghe pháp đúng thời, và thẩm sát ý nghĩa đúng thời. Thế nào là sáu?

Ở đây, này Ananda, Tỷ-kheo tâm chưa được giải thoát khỏi năm hạ phần kiết sử, vị ấy trong khi mạng chung, được thấy Thế Tôn. Thế Tôn thuyết pháp cho vị ấy, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có nghĩa, có văn, đề cao đời sống Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ thanh tịnh. Sau khi nghe thuyết pháp, tâm vị ấy được giải thoát khỏi năm hạ phần kiết sử. Đây là lợi ích thứ nhất, này Ananda, khi được nghe pháp đúng thời.

Lại nữa, này Ananda, Tỷ-kheo với tâm chưa được giải thoát khỏi năm hạ phần kiết sử, vị ấy trong khi mệnh chung, không được thấy Thế Tôn, nhưng chỉ được thấy đệ tử Như Lai. Đệ tử Như Lai thuyết pháp cho vị ấy, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có nghĩa, có văn, đề cao đời sống Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ thanh tịnh. Sau khi nghe thuyết pháp, tâm vị ấy được giải thoát khỏi năm hạ phần kiết sử. Đây là lợi ích thứ hai khi được nghe pháp đúng thời.

Lại nữa, này Ananda, Tỷ-kheo với tâm chưa được giải thoát khỏi năm hạ phần kiết sử, vị ấy trong khi mệnh chung, không được thấy Như Lai, cũng không được thấy đệ tử của Như Lai. Nhưng với tâm tùy tầm, tùy tứ, với ý tùy quán pháp như đã được nghe, như đã được học một cách thông suốt; do vị ấy, với tâm tùy tầm, tùy tứ, với ý tùy quán pháp như đã được nghe, như đã được học một cách thông suốt, nên tâm được giải thoát khỏi năm hạ phần kiết sử. Đây là lợi ích thứ ba khi thẩm sát ý nghĩa đúng thời.

Ở đây, này Ananda, Tỷ-kheo với tâm đã được giải thoát khỏi năm hạ phần kiết sử, nhưng tâm chưa giải thoát đối với vô thượng đoạn diệt sanh y, vị ấy trong khi mệnh chung được thấy Như Lai. Và Như Lai thuyết pháp cho vị ấy, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có nghĩa, có văn, đề cao đời sống Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh. Sau khi được nghe thuyết pháp, tâm vị ấy được giải thoát đối với vô thượng đoạn diệt sanh y. Này Ananda, đây là lợi ích thứ tư khi được nghe pháp đúng thời.

Lại nữa, này Ananda, Tỷ-kheo với tâm đã được giải thoát khỏi năm hạ phần kiết sử, nhưng tâm chưa giải thoát đối với vô thượng đoạn diệt sanh y, vị ấy trong khi mạng chung không được thấy Như Lai, chỉ được thấy đệ tử của Như Lai. Đệ tử Như Lai thuyết pháp cho vị ấy, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có nghĩa, có văn, đề cao đời sống Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh. Sau khi được nghe thuyết pháp, tâm vị ấy được giải thoát đối với vô thượng đoạn diệt sanh y. Này Ananda, đây là lợi ích thứ năm khi được nghe pháp đúng thời.

Lại nữa, này Ananda, Tỷ-kheo với tâm được giải thoát khỏi năm hạ phần kiết sử, nhưng tâm chưa giải thoát đối với vô thượng đoạn diệt sanh y, vị ấy trong khi mệnh chung không được thấy Như Lai, cũng không được thấy đệ tử Như Lai. Nhưng với tâm tùy tầm, tùy tứ, với ý tùy quán pháp như đã được học thông suốt, do vị ấy với tâm tùy tầm, tùy tứ, với ý tùy quán pháp như đã được nghe, như đã được học thông suốt, nên tâm được giải thoát đối với vô thượng đoạn diệt sanh y này. Này Ananda, đây là lợi ích thứ sáu khi được thâm sát ý nghĩa đúng thời.

Có sáu lợi ích này, này Ananda, khi được nghe pháp đúng thời, và khi được thâm sát ý nghĩa đúng thời.

Lợi ích của sự nghe pháp:

Trong Tăng Chi Kinh (A.III.248), Đức Phật dạy năm lợi ích của sự nghe pháp (Dhammassavanānisamsa) như sau:

1. Nghe được điều chưa từng nghe (Assutaṃ suṇāti).
2. Thông suốt điều đã từng nghe (Sutaṃ pariyodapeti).
3. Đoạn trừ được tâm nghi ngờ (Kaṅkhaṃ vihanati).
4. Cải chánh tri kiến (Ditṭhī-ujum karoti).

5. Tâm được trong sáng (Cittam-assa pasīdati)

Lợi ích của sự nghe tụng kinh Pāli:

Một người chú tâm lắng nghe tụng kinh Pāli cũng là sự nghe pháp, làm phát sanh thiện tâm. Người bệnh nghe tụng kinh Pāli là một trong những truyền thống trong Phật giáo. Bệnh có 2 loại: bệnh thân và bệnh tâm.

- a) Bệnh thân là do Tứ đại không điều hòa nên phát sanh bệnh, tất cả chúng sanh đều bị bệnh tật chi phối, hễ có thân là có bệnh, chỉ có khác nhau bệnh nhẹ hoặc bệnh nặng mà thôi. Cho nên, chư Thánh A ra hán và Đức Phật cũng không tránh khỏi bệnh thân. Bệnh thân thuộc về quả của nghiệp.
- b) Bệnh tâm phát sanh do phiền não, làm cho tâm bị ô nhiễm nóng nảy khổ tâm.

Đức Phật và chư Thánh Tăng A la hán chỉ có thân bệnh, thân thọ khổ, không có bệnh tâm, không có khổ tâm.

Ngài Đại Trưởng lão Mahākassapa và Ngài Đại Trưởng lão Mahāmoggallāna lâm bệnh nặng khổ thân. Đức Phật thuyết giảng bảy pháp giác chi, hai Ngài trưởng lão nghe xong bảy pháp giác chi đã khỏi hẳn bệnh ngay tức khắc.

Một thuở nọ, Đức Phật ngự tại ngôi chùa Veluvana, gần kinh thành Rājagaha. Khi ấy, Đức Phật lâm bệnh nặng khổ thân. Đức Phật truyền bảo Ngài Đại Trưởng lão Mahācunda tụng đọc bảy pháp Giác Chi. Khi ấy Ngài Trưởng lão Mahācunda tụng 7 pháp giác chi xong. Đức Phật vô cùng hoan hỷ đã khỏi hẳn bệnh ngay tức khắc, không còn tái phát lại nữa.

Phước thiện nghe kinh, nghe chánh pháp đem lại sự lợi ích, sự an lạc trong kiếp hiện tại và vô số kiếp vị lai, nhất là đối với bệnh nhân nghe chánh pháp, phát sanh tâm thiện thọ hỷ làm cho bệnh được thuyên giảm, hoặc bớt hẳn, nếu bệnh nhân không sống được, sau khi bệnh nhân lâm chung, tâm thiện nghe chánh pháp cho quả thiện tái sanh về cõi vui dục giới là cõi người và 6 cõi trời dục giới, hưởng sự an lạc, hạnh phúc trong cõi vui dục giới.

9. THUYẾT PHÁP - DHAMMADESANĀ

Định nghĩa:

Thuyết pháp (dhammadesanā) là diễn giảng, thuyết giảng, chia sẻ truyền đạt giáo pháp đến chúng sanh khác.

Có Pāḷi giảng giải như vậy: “Dhammaṃ desenti etāyāti dhammadesanā”. Những người có khả năng thuyết giảng, giảng dạy chánh pháp tế độ chúng sanh gọi là dhammadesanā (thuyết pháp). Tức sở hữu tư hợp trong tâm đại thiện đồng sanh với sở hữu tâm có như lý tác ý làm chánh (yonisomanasikāra).

Việc chỉ dạy và giảng giải về những nghề nuôi mạng vô tội. Như chỉ dạy về lãnh vực khoa học, sử học, y học, nông nghiệp chỉ dạy giảng thuyết về những nghề này cũng được liệt vào thiện thuyết pháp. Do đó, trong Vibhāvanīṭkā mới trình bày rằng: “Nirajjavijjādi upadissanacetanāpi ettheva saṅgamaṃ gacchati”. Sở hữu Tư làm nhân cho việc giảng dạy những nghề vô tội cũng trợ duyên vào việc thuyết pháp được”.

Thuyết Pháp chính là hành động bố thí pháp cho người nghe, giúp cho người nghe hiểu rõ sự thật hay chân lý, phát triển trí tuệ, giải thoát khỏi những phiền não khổ đau, đạt đến sự giác ngộ giải thoát Niết Bàn.

Bố thí Pháp là tối thắng:

Bố thí pháp giúp người nghe hiểu biết rõ sự thật hay chân lý, phát triển trí tuệ, thoát khỏi những phiền não khổ đau, đạt đến sự giác ngộ giải thoát Niết Bàn.

Trong tất cả các loại bố thí, bố thí Pháp là thù thắng hơn hết, tạo công đức thù thắng hơn hết.

Kinh Tăng Chi (AN 2. 141-150, phẩm Bố thí), Đức Phật dạy:

“Này các Tỷ-kheo, có hai loại bố thí này. Thế nào là hai? Bố thí tài vật và bố thí pháp. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là các loại bố thí. Tối thắng trong hai loại bố thí này, này các Tỷ-kheo, tức là pháp thí.”

Trong Pháp cú kinh câu 354, Đức Phật cũng có dạy:

“Sabbadānaṃ dhammadānaṃ jināti: Pháp thí, thắng mọi thí!”

Năm chi phần của vị thuyết pháp:

Trong kinh Tăng chi (AN 5.159, phẩm Diệu Pháp) Đức Phật dạy: Để thuyết pháp cho các người khác, sau khi nội tâm an trú được năm pháp, mới nên thuyết pháp cho các người khác:

1. Anupubbīkathā: Thuyết theo trình tự, tức trình bày nền tảng pháp, hay ý nghĩa môn học theo tuần tự từ dễ đến khó, có nhân quả liên quan với nhau theo thứ lớp.
2. Pariyāyadassāvī: thuyết pháp có mục đích, có lý do, tức là hướng dẫn cho hiểu rõ từng khía cạnh, từng quan điểm bằng cách phân giải nội dung, thay đổi phương cách theo hướng khác nhau.
3. Anudayatāṃ paṭicca: Thuyết pháp vì tâm từ, tức dạy cho họ với tâm từ, mong những điều lợi ích đến cho họ.
4. Na āmisantato: Thuyết pháp không phải vì vật chất, tức dạy cho họ không phải vì mong lợi lộc, hay lợi ích đáp trả.
5. Attānañca parañca anupahacca: Thuyết pháp không làm tổn thương cho mình và cho người, tức là theo giáo trình, theo nội dung bài học với mục đích trình bày ý nghĩa, trình bày pháp, chứ không phải tự nâng mình hay chê bai (châm biếm) người khác.

Quả phước của sự thuyết pháp:

Người thuyết pháp bằng tâm trong sạch, vì không mong cầu đến lợi lộc, tán thán, địa vị, danh vọng chi cả, mà chỉ mong muốn cho người nghe được lợi lạc mà thôi. Cách thuyết pháp này được xếp vào thuyết pháp chơn chánh, và có nhiều quả báu rộng lớn.

Người thuyết pháp với tâm không trong sạch do mong cầu lợi lộc, khen ngợi, địa vị, danh vọng, và đồng thời tâm tư cũng muốn sẽ làm cho người khác biết rằng ta là pháp sư, thầy giáo thọ. Cách thuyết pháp này được xếp vào thuyết pháp không chơn chánh, có quả báu nhỏ nhoi.

Ngài giáo thọ sư Mahābuddhaghosa đã trình bày trong chú giải Aṭṭhasālinī rằng:

- “Eko ‘evaṃ maṃ dhammakathikoti maṃ jānissanti’ti icchāya tathvā lābhagaruko hutvā deseti, taṃ na mahapphalaṃ”.

“Người Thuyết Pháp bằng tâm bất tịnh bởi do suy tính làm cho mọi người biết được mình là vị pháp sư lần mong cầu lợi lộc, thì việc Thuyết Pháp này có quả báu nhỏ nhoi không thù thắng.”

- “Eko attano paṇaṃ dhammaṃ apaccāsīsamāno vimuttāyatanaśīsaṇa paresaṃ deseti, idaṃ ‘desanāmayamaṃ puññakiriya vatthu’ nāma”.

“Người nào Thuyết Pháp làm cho quần chúng được an hiểu thông suốt mà không mưu tìm lợi lộc. Chỉ nhất tâm hướng đến làm cho chúng đạt A La Hán Quả thì việc Thuyết Pháp này được gọi là phước nghiệp sự thành tựu do Thuyết Pháp”.

Trong 75 ung học pháp (dhammasekhiya), Đức Phật ban hành 16 điều liên quan đến sự thuyết pháp là:

1. Không thuyết pháp đến người vô bệnh mà tay che dù.
2. Không thuyết pháp đến người vô bệnh mà trong tay cầm gậy.
3. Không thuyết pháp đến người vô bệnh mà tay cầm vật bén (dao, kiếm, mác...).
4. Không thuyết pháp đến người vô bệnh mà tay cầm khí giới (như cung tên, súng đạn...).
5. Không thuyết pháp đến người vô bệnh mà có mang dép.
6. Không thuyết pháp đến người vô bệnh mà có mang giày.
7. Không thuyết pháp đến người vô bệnh mà ngồi trên kiệu- xe.
8. Không thuyết pháp đến người vô bệnh mà nằm.
9. Không thuyết pháp đến người vô bệnh mà ngồi bó gối.
10. Không thuyết pháp đến người vô bệnh mà đầu quấn khăn.
11. Không thuyết pháp đến người vô bệnh mà đầu đội nón.
12. Không ngồi trên đất trệt mà thuyết pháp cho người vô bệnh ngồi trên chỗ trải.
13. Không ngồi trên chỗ thấp mà thuyết pháp đến người vô bệnh ngồi trên chỗ cao.
14. Không đứng mà thuyết pháp đến người vô bệnh ngồi.
15. Không đi phía sau mà thuyết pháp đến người vô bệnh đi phía trước.

16. Không thuyết pháp đến người vô bệnh đi ngoài lòng đường.

- Ác Thuyết và Thiện Thuyết:

Trong Kinh Tăng Chi, chương 5 pháp, phẩm 16: Diệu pháp, kinh 7: Ác thuyết và Thiện thuyết. Thế Tôn giảng về 5 điều ác thuyết và 5 điều thiện thuyết như sau:

Năm điều ác thuyết:

- 1) Nói về tín với người không tin, là ác thuyết.
- 2) Nói về giới với người ác giới là ác thuyết.
- 3) Nói về nghe nhiều với người nghe ít là ác thuyết.
- 4) Nói về bố thí với người xan tham là ác thuyết.
- 5) Nói về trí tuệ với người ác tuệ là ác thuyết.

Năm điều thiện thuyết:

- 1) Thuyết về tín cho người có lòng tin, là thiện thuyết.
- 2) Thuyết về giới cho người giữ giới là thiện thuyết.
- 3) Thuyết về nghe nhiều cho người nghe nhiều là thiện thuyết.
- 4) Thuyết về bố thí cho người bố thí là thiện thuyết.
- 5) Thuyết về trí tuệ cho người trí tuệ là thiện thuyết.

Tóm lại: Thuyết pháp cho người khác nghe, đem lại lợi ích an lạc cho người nghe, giúp cho họ hiểu biết đúng chánh pháp, có chánh kiến và giải thoát khỏi khổ đau. Nhưng nếu chỉ thuyết giảng pháp cho người khác nghe mà không thực hành những điều thuyết giảng thì không đạt được sự lợi ích tối thượng là giải thoát khỏi khổ sanh tử luân hồi. Như trong Pháp Cú kinh câu 19, Đức Phật dạy: “Nếu người nói nhiều kinh, Không hành trì, phóng dật, Như kẻ chăn bò người, Không phần Sa môn hạnh.”